

THỊ XÁC ĐỊNH NHÂN TỐ “KHÁI NIỆM TRỪU TƯỢNG” TRONG NGÔN NGỮ KHÁI NIỆM MANG QUA CÁCH ĐẶT VẤN ĐỀ CỦA A.G. LAKOFF

Nguyen La

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiếp cận ngôn ngữ khái niệm, trước hết không thể không nói đến hai nhân tố khái niệm. Vì không có hai nhân tố khái niệm thì không có tiến trình ngữ nghĩa cho việc hình thành ngôn ngữ khái niệm và mặt cấu trúc. Ngôn ngữ cấu trúc ngôn ngữ khái niệm trong văn bản diễn ngôn, do vậy, không đơn thuần chỉ là vấn đề hình thức. Hơn thế, tính tích hợp nội dung - hình thức ở đây bao giờ cũng phải thông qua năng lực tiếp nhận bản ngữ con người ngữ xúc cảm thẩm mỹ gắn với hình tượng.

Trở đó, năng lực cảm thụ của người tiếp nhận cũng trở thành nhân tố quan trọng không thể không tính đến.

Một khác, khi nhận diện ngôn ngữ khái niệm, không thể không thấy rõ điều này: Khái niệm làm hai nhân tố ngôn ngữ khái niệm ở đây không phải là khái niệm mang tính biểu tượng

, mà là khái niệm mang tính biểu tượng trừu tượng

. Hay theo cách nói của Lakoff (1993), “Khái niệm cũng có thể cấu trúc và cũng có thể trừu tượng”; ngôn ngữ khái niệm có nhiệm vụ cung cấp các suy luận hình tượng ngữ hóa cho KHÁI NIỆM TRỪU TƯỢNG”

(9;75).

Vấn đề ngữ cảnh đặt trên vào thực tiễn nghiên cứu ngôn ngữ khái niệm trong văn bản diễn ngôn, thực ngữ chúng tôi gặp mặt cái khó: 1/Thực nào gọi là “cung cấp các suy luận hình tượng ngữ hóa cho khái niệm trừu tượng”? 2/ Có thể “cung cấp suy luận hình tượng ngữ hóa” ý diễn ra như thế nào? 3/ Đặt biệt hơn, khi sử dụng “suy luận hình tượng ngữ hóa khái niệm trừu tượng” để thực hiện thực ngữ hóa trong thực ngữ, thì cái gọi là

khái niệm trừu tượng

ý thực chất là gì? Đó là một dạng ngữ mô tả thực ngữ minh? một dạng ngữ ý niệm tiến bộ? hay là một biểu tượng hàm nghĩa chung?

Lâu nay, khi tiếp cận phạm trù ngôn ngữ khái niệm, chúng ta thực ngữ ngữ và mặt bình phẩm ý nghĩa để cấu trúc hai nhân tố là đi vào cấu trúc hình thành các tiến trình giải đáp theo hai ngữ nêu trên. Qua thực ngữ khảo sát mặt văn bản thực ngữ, nội dung đầu tiên, chúng tôi thực ngữ đi vào thực ngữ của cái gọi là KHÁI NIỆM TRỪU TƯỢNG nằm trong cấu trúc cấu trúc ngôn ngữ khái niệm theo cách xác

định của Lakoff. “Khái niệm cũng có thể cụ thể và cũng có thể trừu tượng; ngôn ngữ khái niệm có nhiệm vụ cung cấp các suy luận hình tượng hóa cho các khái niệm trừu tượng” (9;75).

2. KHÁI NIỆM TRUỘ TƯỢNG TRONG NGÔN NGỮ TỰ NHIÊN VÀ KHÁI NIỆM TRUỘ TƯỢNG TRONG NGÔN DỤ KHÁI NIỆM (THEO CÁCH DIỄN ĐẠT CỦA LAKOFF)

Trước hết, cần xét cách hoạt động duy trong quá trình hình thành khái niệm. Nhìn chung, trong ngôn ngữ học, dù

khái niệm cụ thể

mang tính

bổn vẹn

hay

khái niệm trừu tượng

mang tính

bổn vẹn

, sự hình thành của chúng nói chung bao giờ cũng là một quá trình nhận thức phức tạp diễn ra liên quan đến duy trừu tượng (cụ thể vẫn luôn có vai trò quan trọng trong cấu trúc ý nghĩa ngôn ngữ tự nhiên).

Còn cái gì là “khái niệm trừu tượng” trong ngôn ngữ khái niệm theo cách diễn đạt của Lakoff, theo chúng tôi, trước hết, nó vẫn vẫn là một sản phẩm ngôn ngữ tự nhiên của quá trình hình thành ngôn ngữ. Như vậy đây, từ

tính năng học

của quá trình hình thành, thực thể này được khảo sát trong

tính năng tiến độ

của một quá trình khác :

Đó là

TÍNH NĂNG TIẾN ĐỘ DIỄN XUẤT HÌNH TƯỢNG TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NGÔN DỤ .

Nói khác,

cách nêu vấn đề của Lakoff

“Khái niệm cũng có thể cụ thể và cũng có thể trừu tượng : ngôn ngữ khái niệm có nhiệm vụ cung cấp các suy luận hình tượng hóa cho các khái niệm trừu tượng (9;75)”,

thực chất là sự nhận diện khái niệm trừu tượng trong tính năng tiến độ cùng với vai trò diễn xuất hình tượng trong cấu trúc hình thành ngôn ngữ khái niệm

Tóm đó, trong quá trình nghiên cứu, chúng ta không nên nhầm lẫn

khái niệm trừu tượng trong tính năng học

của quá trình hình thành ngôn ngữ tự nhiên với

khái niệm trừu tượng trong

tính năng tiến độ

của quá trình thành

ngôn ngữ khái niệm

. Bởi vì, sự tương tác giữa vùng

nguồn
và vùng
đích

trong hình thành ngôn ngữ khái niệm bao gồm cũng gồm những quá trình ngôn ngữ tín hiệu
ngôn ngữ đã được hình thành để tạo ra

tín hiệu tự nhiên

. Nó hoàn toàn khác với các chủ đề tác động của khi gia các giác quan và bối cảnh trong
quá trình duy trì và phát triển để làm hình thành

tín hiệu ngôn ngữ

.
Như vậy, nhìn chung về mặt cơ bản duy, ta có thể khái quát a) Khái niệm trừu tượng
(trong lĩnh vực hình thành tín hiệu tự nhiên) nằm trong

cơ chế duy lô gic

; b) Khái niệm trừu tượng trong ngôn ngữ (thuộc lĩnh vực hình thành tín hiệu tự nhiên)
nằm trong

cơ chế duy hình tượng

.
Đấy là chủ đề tinh thể thuộc về chiều sâu gia hai cơ chế duy. Phải chăng, làm sáng tỏ vấn đề
theo hướng nghiên cứu trên, ta mới có được kiến xác định rõ phạm vi và vai trò của
khái niệm trừu tượng

trong

tính năng giao tiếp hình tượng

tổ chức chủ đề hình thành ngôn ngữ khái niệm

theo cách nhìn của Lakoff.

.
Tại đây, rõ ràng, khi thực thi chức năng “
cung cấp các suy luận hình tượng hóa cho
khái niệm trừu tượng

”, chính ngôn ngữ khái niệm – dù muộn dù không – đã tạo ra

sự chuyển xúc cảm thẩm mỹ

và trở thành hiện thân của

phương thức duy hình tượng.

Vì, như chúng ta biết, ngôn ngữ không chỉ là ngôn ngữ mà là ngôn ngữ cấu trúc khái niệm. Và
cấu trúc khái niệm

đây - theo Lakoff “ không chỉ là ngôn ngữ trí tuệ, mà nó bao hàm tất cả những chi tiết kích
nhiên của trải nghiệm giác quan (hình dáng, màu sắc, chất liệu, âm thanh v.v.) và không
những cấu trúc nên những trải nghiệm bình thường mà còn những trải nghiệm thẩm mỹ (1;176)
Hiện được diễn đạt để được trình bày

cấu trúc khái niệm

của ngôn ngữ theo tầm nhìn trên của Lakoff ta mới hiểu được rõ hơn vì sao Lakoff đã coi
trình tự ngôn ngữ “ suy luận hình tượng hóa”

khái niệm trừu tượng

.tổ chức chủ đề hình thành ngôn ngữ khái niệm.

Tóm lại, qua cách hiểu trên, ta có thể nhận thấy những khía cạnh : Cách nêu vấn đề của
Lakoff “*Khái niệm cũng có thể có thể và cũng có thể trừu tượng; ngôn ngữ khái niệm có những
vấn đề cung cấp các suy luận hình tượng hóa cho các khái niệm trừu tượng*”, **thực chất,**

chính là sự nhận diện

khái niệm trừu tượng

trong

tính năng thì nđ cùng với vai trò đ n xu t hình t ng v n r t quan tr ng c a nó trong c ch hình thành n đ khái niệm .

3. KHÁI NIỆM TRU TƯỢNG CỦA LAKOFF TRONG TÍNH NĂNG THÌ NĐ VÀ TÍNH NĂNG HÌNH THỨC

Đi vào thực tế khảo sát, từ nguyên lý trên, đầu tiên chúng tôi có thể khẳng định: Cái gì là KHÁI NIỆM TRU TƯỢNG nằm trong cách nhìn của Lakoff, thực ra, không dễ xác định. Vì đây không phải là một thuật ngữ mô tả, mà thực tế nó chỉ là một “khái niệm nguôn” mang tính

thì nđ

cả quá trình hình thành ngôn ngữ (Fauconnier gọi là

khái niệm thì nđ

- Richard gọi là

bản thân

(tenor) để lập v

đ th

(vehicle). Định nghĩa khái niệm nguôn mang tính xu t phát theo cách nêu của Lakoff này, dĩ nhiên, là cái đang trong trạng thái chờ để tiếp biến ngôn ngữ “suy luận hình tượng hóa”. Theo chúng tôi, đây là điểm quan trọng cần để biệt lập ý. Trong khảo sát, nếu không định trên thì

đ ng

đ xác định một cách có ý thức ranh giới này thì ta khó thấy rõ để thực hiện trạng thái của cái

gì là

khái niệm trừu tượng

liên quan đến ngôn ngữ khái niệm theo cách đặt vấn đề của Lakoff .

Một khác, khi *khái niệm trừu tượng* vào trạng thái “để tiếp biến ngôn ngữ suy luận hình tượng hóa” để trở thành một nhân của ngôn ngữ khái niệm thì hiểu về của nó bao giờ cũng để tiếp biến theo hướng hàm nghĩa thông qua chữ *đ* (

=

hàm nghĩa chữ đ

). Theo quy luật, định nghĩa chữ *đ* mang tính hàm nghĩa không trực tiếp hiện ngôn ngữ này thì để tiếp biến thông qua con để tiếp biến của một thể th m mĩ g n li n v i s suy lu n hình t ng mang tính quy n p đ i v i ng i ti p nh n.

Theo chúng tôi, có lẽ chỉ có nhận thức theo hướng nhận thức, ta mới có điểu kiện suy nghĩ thêm để sáng rõ : a/ *vì sao* khái niệm là một nhân của ngôn ngữ khái niệm chỉ có thể là “khái niệm trừu tượng” và b/ *vì sao* thì đây điểu kiện tiên quyết để đặt ra cho sự hình thành ngôn ngữ khái niệm phải là cùng cấp “các suy luận hình tượng hóa” cho khái niệm trừu tượng (theo cách đặt vấn đề của Lakoff).

Đó, rõ ràng, trong tính thực của nó, chỉ chỉ theo nghĩa đây là chỉ hàm theo hướng duy hình tượng thông qua chữ *đ*. Suy cho cùng, có lẽ không ngẫu nhiên mà ngay từ thời xa xưa, khi để tiếp biến ngôn ngữ, Aristotle đã quan tâm đến cách theo hướng *ch* *đ* của ngôn ngữ. (7;65) Hay nói theo cách khuy n cáo hiện nay của M.Black (2009) “Hàm

nghĩa thực sự của ngôn ngữ không tách rời với ý nghĩa chủ đề trong mối quan hệ với khả năng nhận thức của người tiếp nhận” (7;60). Cách nhận thức bản chất ngôn ngữ theo hình tượng trong mối quan hệ với chủ đề này được không ít nhà nghiên cứu ngôn ngữ quan tâm (Richards (1936), Michael (1998), Fauconnier (2002)...) (mặc dù ta chủ đề này chủ yếu là về ý đúng mực). Thế đó, nếu so với cách nhìn từ góc độ triết học nghĩa của Black thì có lẽ cách xác định của Lakoff (*khái niệm cũng có thể là thể và cũng có thể trừu tượng, ngôn ngữ, ngôn ngữ khái niệm có hình và cung cấp các suy luận hình tượng hóa cho các khái niệm trừu tượng*)
chỉ mới nhận ra
khái niệm trừu tượng
mặt tiềm năng gây khiếm khuyết duy hình tượng trong
tính năng tiềm ẩn

,
chúng ta chú ý đến
tính năng hình ảnh

vì sự phức tạp hàm nghĩa chủ đề của ngôn ngữ khái niệm (mặc dù, theo quy luật chung, cách triết học nghĩa bằng hình tượng luôn phải thông qua chủ đề) .

4. KHÁI NIỆM TRUỘ TƯỢNG TRONG TÍNH NĂNG HÌNH ẢNH VÀ CHỦ CHẾ “SUY LUẬN HÌNH TƯỢNG HÓA

”

Như vậy, trong cách xác định
khái niệm trừu tượng
mà ta muốn hình tượng, bên cạnh cách hiểu
khái niệm trừu tượng trong tính năng tiềm ẩn
theo cách nhìn của Lakoff, ta không thể không làm rõ
tính năng hình ảnh
của nó trong
chủ đề *suy luận hình tượng hóa* .

Về phương diện này, trước hết, chúng tôi hiểu rằng “suy luận hình tượng hóa” không đơn giản chỉ là quá trình minh họa các khái niệm trừu tượng nên có bằng con đường đơn thuần lí tính. Về thực chất, đây chính là quá trình đào sâu và rèn luyện để tinh thần của các triết gia giác trong cách nhận thức thế giới một cách chủ động và có định hướng thặng dư của con người. Tại đây, tính biểu tượng thặng dư xác lập không thể tách rời với thế giới triết học - triết học thế giới triết học để cá thể hoá và triết học hoá cao độ trên tất cả các cung bậc triết học hình tượng. Không phải hoàn toàn ngẫu nhiên mà khi nói về **lí thuyết sự hình tượng**,
rõ ràng Johnson cho
đó là
nhận thức, triết học triết học (thể hiện qua những sự hình tượng phái sinh từ các triết học triết học) được thể hiện trong triết học thông qua chủ đề con người
(10;9) Theo chúng tôi, không thể yếm đủ tầm quan trọng của vai trò triết học triết học thể hiện trong chủ đề nhận thức theo hình tượng nhìn của Johnson thì không thể nhận rõ được thể nào là sự tích hợp của hình tượng để từ đó hiểu được u đạo đức của chủ đề “suy luận hình tượng hóa” của Lakoff. Tại đây, chủ đề này không đơn giản chỉ là vấn đề lí tính nhưng nó cũng không đơn giản

chúng là bản năng. Trái lại, đây là một quá trình cảm thụ có định hướng - vắng, một thủ định hướng tích hợp giữa thủ giác cảm tính và lí tính vốn được tiến hành một cách năng động từ sự tinh tế có định hướng của chính con người

(
và chúng ta con người mới có!
).

Hiện tượng phức tạp này, từ góc độ lí luận thần kinh học trong ngôn ngữ, Lakoff bước đầu đã chỉ rõ như sau...

Suy luận trừu tượng được hình thành hóa của ngôn ngữ khái niệm như vào các phóng chiếu của vùng cảm thụ (vùng nguỵ) lên vùng trừu tượng (vùng đích). Sự phóng chiếu liên thông có tính cấu trúc giữa vùng nguỵ và vùng đích này được thực hiện nhờ sự liên kết và sự hình thành nên các đường dây thần kinh nối liền giữa vùng cảm thụ như natri giác với các vùng khác trong não bộ con người. (10;9)

Đến đây, khi đã hiểu cái gì là “khái niệm trừu tượng” của Lakoff trong tính năng tiến bộ và cấu trúc tính năng học

(với quá trình hình thành của nó), ta mới trở lại nhìn nhận một cách đầy đủ hơn bản chất hoạt động nhân khái niệm trong cấu trúc của ngôn ngữ khái niệm (vốn có tiến bộ thủ khái niệm trừu tượng)

). Và từ tầm nhìn tích hợp trên, ta có điểu kiện lí giải thủ đạo học:

vì sao ngôn ngữ khái niệm luôn trở thành hiện thân cho sự cảm nhận hình tượng của thủ giác thị ca.!

Cùng với, thủ nhận gì bước đầu được phân tích, ta có thể ghi nhận: **(1)** Nếu so với cách nhìn của Black, thì cái được Lakoff gọi là “khái niệm trừu tượng” chính mới là một khái niệm tiến bộ

thuộc về miền

nguỵ

trong quá trình hình thành ngôn ngữ. Chỉ khi được lập dự báo như “suy luận hình tượng hóa”, nó mới đích thực trở thành ngôn ngữ khái niệm. Và khi ở trạng thái này, sự cảm nhận của nó không phải là sự cảm nhận hiện ngôn của một ngữ mô tả, mà đây là một biểu thức hàm nghĩa chuẩn.

2) Hiểu được thực trạng trên, ta mới có điểu kiện nhận rõ đích thực học nào là khái niệm trừu tượng và

vì sao

“khái niệm trừu tượng” khi được lập dự báo “nhận suy luận hình tượng hóa” đã trở thành hoạt động nhân hình tượng của ngôn ngữ khái niệm, ngôn ngữ -

ĐÂY, TÔI CŨNG CHỈ NÀY

- đã có thể vượt khỏi cái gì là “biện pháp tu từ” với thủ so sánh tượng động với một từ vựng (như vốn từ lâu chúng ta biết ám nh). Nói khác, chính thủ của chúng ta này, tiến bộ đầu tiên -

biểu thức thị ca sự cảm nhận duy hình tượng

(chính không phải áp dụng nào khác!) - ngôn ngữ không còn là

THỦ PHÁP TU TỪ

, mà nó đã trở về đích thực là

PHỔNG THỰC TỪ DUY -

tỏ ra nguỵ xúc cảm thụ mĩ cho thủ giác thị ca

(3) Chính từ đó, ta càng hiểu rõ thêm, vì sao qua ngôn ngữ khái niệm, ta có thể đi vào bản

chức năng định tiêu biểu của các từ ngữ
trong thực tế đó có ý thức rõ hơn về mặt định ngữ của chúng trong ngữ cảnh,
hiện thân cho sự cảm nhận sáng tạo hình tượng...

5
. KHÁI NIỆM MỞ TRONG TÍNH NĂNG HỮU QUẢ VÀ CÁC ĐỊNH NGHĨA CHỈ ĐẲNG TRONG NGÔN NGỮ KHÁI NIỆM

Sau khi phân tích hai tính năng có thể có của khái niệm mở trong ngôn ngữ khái niệm, chúng tôi đi vào KHÁI NIỆM MỞ TRONG TÍNH NĂNG HỮU QUẢ qua mặt sự cấu trúc thực tế.
Trong tính năng này, khi được coi như là mặt định ngữ của
định nghĩa chỉ định
trong quá trình khảo sát, thì – về mặt cấu trúc –
khái niệm mở trong
có thể xuất hiện dưới hai dạng: 1/
định ngữ khái niệm mở trong định nghĩa chỉ định
hoàn toàn tan biến trong hình tượng của cấu trúc ngôn ngữ, 2/
định ngữ khái niệm mở trong định nghĩa chỉ định
hiện nguyên hình như mặt ngữ mô tả 3
/ định ngữ khái niệm mở trong định nghĩa chỉ định
được cấu trúc hóa bằng nhiều loại khái niệm cùng trong.

1. Định ngữ khái niệm mở trong định nghĩa chỉ định hoàn toàn tan biến trong hình tượng qua cấu trúc

Từ cách phân tích trên, qua nghiên cứu, chúng tôi thấy nêu 2 ví dụ định ngữ chỉ tiêu biểu cho định ngữ khái niệm mở trong không có sự hiện diện trực tiếp trong cấu trúc ngôn ngữ khái niệm

Ví dụ 1

...
Sức trôi trôi như tạt cát khe

Chim đi lá rừng cành nghe như nhúng

(
Thu rừng
- Huy Cận)

Ví dụ 2

...
Nói c non n ng m t l i th

..... N c đi đi mãi không v cùng non

(
Th non n c
-T n Đà)

N u t quá trình c m nh n đ y đ v n b n Thu r ng và Th non n c r i tr l i phân tích c u trúc thì, v i nh ng tr ng h p trên, b c đ u ta có th nói đ c r ng : C hai n đ đ u có hàm nghĩa ch đ là CÔ Đ N. Đúng h n, t i đây,

khái niệm trừu tượng CÔ Đ N

đã đ c nhà th “ suy lu n hình t ng hóa” qua hình t ng thiên nhiên theo cách tr i nghi m c a chính riêng mình .

Nói khác, **khái niệm trừu tượng CÔ Đ N**(không hi n ngôn) đ đây là **ý niệm t n đ**, là **c m h ng ngu n**

c a T n Đà và Huy Cận. Qua **tr i nghi m c a riêng mình**

, T n Đà “suy lu n hình t ng hóa” nó theo h ng ..

n c non năng m t l i th, **n c đi đi mãi hông v cùng non.**

Trong lúc đó,

cũng b ng tr i nghi m riêng

, nh ng Huy Cận lai...

s c tr i trôi nh t đ i i khe, chim đi lá r ng cảnh nghe l nh lũng

...
Rõ ràng, đ đây, trong sáng t o th ca, đ i v i nhà th , ch ng nh ng

cách t duy n đ keo theo cách bi u đ t n đ

mà còn c

... cách bi u đ t n đ luôn kéo theo đ u v t tr i nghi m cá th riêng bi t c a ng i nghĩ sĩ vào hình t ng..

Nh v y, rõ ràng, n u “ n đ khái niệm có nhi m v cung c p các suy lu n hình t ng hóa cho các khái niệm trừu tượng” thì **khái niệm trừu tượng** đ đ c ng m hi u chính là s CÔ Đ N (đúng h n là tâm tr ng cô đ n đau đ i mang ý nghĩa xã h i c a nhà th trong dòng th lãng m n). T i đây,

khái niệm trừu tượng CÔ Đ N

đ c bút pháp lãng m n hi n th c hóa vào đ i t ng thiên nhiên, qua đó, tác gi đ hóa thân vào thiên nhiên đ ng th i bi n thiên nhiên thành n n nhân c a s CÔ Đ N. Không hi u đ c tâm tr ng và bút pháp trên c a nhà th thì ta không th có ý ni m tr u t ong CÔ Đ N đ t đó có th nh n ra đâu là

xu t phát đ i m

c a quá trình “cung c p s suy lu n hình t ng hóa cho các khái niệm trừu tượng” trong ki n t o n đ . Tr ng thái “ suy lu n hình t ng hóa “ th c ch t là m t ho t đ ng nh n th c m i Theo Fauconnier (2002), “Đây là quá trình l y ý nghĩa khái niệm làm đ i m xu t phát, thông qua hình th c ngôn ng , tìm ra c u trúc ng nghĩa v i s tri nh n và phân tích tinh t s hình thành

khái niệm m i” (7;77) Hay, đúng như Lakoff đã nêu :” Ch có n d m i có khả năng t o ra cách hi u m i, và đi u này rõ nh t trong các n du th ca, khi ngôn ngữ là m t ph ng ti n làm cho các n d khái niệm m i đ c hình thành” (1;176)

Nh v y, có th nói, khi nhà th t duy b ng

n d hóa khái niệm

, thì, chính trong lúc

n d hóa khái niệm

đ t duy

y – dù mu n dù không – là nhà th

đã dùng t ng đ c n d hóa đ di n đ t .

Và t ng thái này, đúng v y,“

cách t duy n d đã kéo theo cách bi u đ t n d

”, vì v y,“

ch có qua s t ng minh b ng ngôn t trong cách bi u đ t n d ,

ta m i nh n ra đích th c đầu là cái m i trong cách

t duy n du

” (7;76)...

Cu i cùng, khi đ c l p đây b ng “nh ng suy lu n hình t ng hóa” thì khái niệm tr u t ng CÔ Đ N đ c nh n th c nh là m t d ng *hàm nghĩa ch đ* . T i đây, nó đ c c u trúc hóa theo h ng không đ t c ti p nh n biết. n u không g n nó v i ý nghĩa tác ph m và bút pháp c a tác gi trong m i liên h v i văn c nh xã h i t chi u sâu (

theo cách phân tích c a phê bình đ n ngôn hi n nay!

).

Trong tr ng h p này, n u phân tích theo cách hi u c a Black , có l ta c n nh n m nh hai đ i u :

(1) CÔ Đ N (không t ng minh) chính là *hàm nghĩa ch đ* th t s c a c 2 n d
khái niệm (**+ S c tr i trôi**

nh t đ i khe Chim đi lá r ng cành nghe l nh lung...

+

N c non n ng m t l i th N c đi đi mãi không v cùng non

...)

(2) Và đ c biệt, CÔ Đ N đ c t o nghĩa không tách r i v i h ng *hàm nghĩa ch đ* ở đây ch có th tr thành hi n th c qua khả năng nhân th c ch quan c a chính ng i ti p nh n.

Nh v y, n u xem khái niệm tr u t ng CÔ Đ N là m t d *hàm nghĩa ch đ* c a n d khái niệm thì rõ ràng, t i đây, nó không còn t ng thái

t n đ

, mà nó chính là

h qu

, t c là cái đ c hình thành m t cách tích h p cùng v i quá trình suy lu n hình t ng hóa . S dĩ nh v y là vì, t i đây , nói theo Lakoff , “n d xu t ph t t m t mi n ban đ u t ng đ i quen thu c ánh x đ n mi n không quen thu c và khó gi i thích”(7;77)

2. D ng khái niệm m tr u t ng hàm nghĩa ch đ v i tr ng thái hi n ngôn trong c u trúc n d khái niệm

Theo nguyên tắc tạo nghĩa với hình ảnh
hàm nghĩa chệch
của loài hình ảnh thu thập ngôn ngữ nói chung (bao gồm cả
ngôn ngữ khái niệm

) thì

khái niệm trừu tượng

- với diễn đạt hàm nghĩa chệch trong ngôn ngữ khái niệm - phần lớn không tiếp xúc trực tiếp với hình thái ngôn ngữ. Tuy nhiên, qua thực tế khảo sát diễn ngôn thơ ca, không phải không có trường hợp

khái niệm trừu tượng hàm nghĩa chệch

xuất hiện với diễn đạt trực tiếp ngôn ngữ. Chẳng hạn PHŨ PHÀNG trong ngôn ngữ khái niệm như sau
khảo sát sau từ Truy cập Kiến thức :

PHŨ PHÀNG ... PHŨ PHÀNG chi bệ y hóa công

Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha

Song làm vỡ khớp ngói ta

Hỡi thay thác xuống làm ma không chết

(

Kiến thức

- Nguyễn Du))

Khái niệm trừu tượng

PHŨ PHÀNG

trong trường hợp này, thực ra không hẳn là một mô hình bình thường. Có thể hiểu đây vẫn chỉ là diễn đạt ngôn ngữ hàm nghĩa chệch. Tại đây, nếu khảo sát bình diện cấu trúc ngôn ngữ để tìm kiếm hình thức ngữ thì, khi xuất hiện,

khái niệm trừu tượng

PHŨ PHÀNG này có 2 vai : (1) vai

chỉ định

cho quá trình

diễn đạt

, (2) diễn đạt thì cũng là vai

hàm nghĩa chệch

cho quá trình

quy nạp.

Như vậy, *khái niệm trừu tượng PHŨ PHÀNG* (đúng hẳn là sự bệ phũ phàng trong bất cứ hình thức nào) ở đây, trên bình diện cấu trúc văn bản, rõ ràng, đã được “ suy luận hình thức ngữ hóa ” theo

**3. Định nghĩa khái niệm trừu tượng hàm nghĩa chủ đề được hiển thị c hóa qua nhĩ u cung
bị c khái niệm chủ đề có cùng phạm vi trừu tượng nghĩa**

Loại này rất phổ biến, để tìm thấy và để nhận định vì chúng được vận dụng nhĩ u trong cách
khai triển thực tế. Khi phân tích cấu trúc này, chúng tôi không thể không chú ý đến sự hóa thân
của khái niệm trừu tượng mang tính chủ đề vào nhĩ u chủ đề khác nhau được phân bố trong
cách xác lập cấu trúc. Tại đây, sự hiển ngôn của các định nghĩa khái niệm chủ đề (chủ đề thực) thực
tế mang tính cảm giác, cảm xúc, ngôn ngữ. Chúng vận là những yếu tố có cùng phạm vi
trừu tượng nghĩa và liên thông với khái niệm trừu tượng những liên niệm chủ đề giàu tính thực
giác. Tại đây, chúng chính là nhân chứng thực tiễn năng “ cùng chủ đề các suy luận hình trừu tượng
hóa cho khái niệm trừu tượng” được tạo nghĩa theo những xúc cảm thẩm mỹ diễn và những diễn

Ví dụ

khái niệm trừu tượng B T H NH

. Khái niệm trừu tượng này có thể được chủ đề theo nhĩ u chủ đề :

B T H NH => CÔ Đ N => B V

(
bị vận, cô đơn
và
bất hạnh
có cùng trừu tượng
khái niệm
những
bị vận
là sự chủ đề hóa thực trạng thái
cô đơn
và
bất hạnh
: B T H NH > CÔ Đ N > B V)

Có thể nói, khái niệm trừu tượng CÔ Đ N những câu thực sau được hình thành cùng
với quá trình “ suy luận hình trừu tượng hóa” bị

nét nghĩa cùng trừu tượng

cùng bị chủ đề :

Ví dụ 1.

Trên đồng và rừng ngàn dâu

BBBBBBBBBBBB B V nào đã biết đâu là nhà
!

BB
(K u -

Nguyễn Du)

Ví dụ 2.

Trăng sáng trăng xa trăng r ng quá

Hai ng i nh ng không b t B V

(Trăng
- Xuân Di u)

Trong nh ng câu thơ trên, B V chính là hi n thân và là s tr c giác hóa của CÔ Đ N.
Nh v y, khái niệm m tr u t ng có vai trò h t nhân đ i v i hai c u trúc n d trên nên đ c
hi u là CÔ Đ N h n là B V. T i đây, B V là s tr c giác hóa và c th hóa tr ng thái CÔ
Đ N. Theo chúng tôi, nếu không có s suy lu n hình t ng
hóa trong m i liên h

v i ch đ của tác ph m thì ta khó th y đ c tính ch t
liên thông cùng tr ng nghĩa

gi a B T H NH, CÔ Đ N và B V

Và cũng theo tinh th n trên, khái niệm m tr u t ng LÒNG TIN và TINH TH N L C
QUAN đ c c th hóa b ng NI M VUI qua hai n d khái niệm sau :

Ví dụ 1/

Xuân b c nh trên cành non lá m i

B n đ i i VUI chút v i tr i h ng
(T H u)

Ví dụ 2/

Ngày mai t t c s là chung

T t c s là VUI và ánh sáng
(T H u)

T i đây, n u không đ a vào c ch “suy lu n hình t ng hóa” thì ta khó th y m i quan h
liên thông gi a LÒNG TIN > TINH TH N L C QUAN > NI M VUI (cũng nh khó th y m i liên
h gi a B T H NH > CÔ Đ N > B V). Đ i v i nhà th , th gi i c m tính và th gi i lí tính
đây – trong tính hi n th c của nó – không bao gi b chia tách m t cách siêu hình. Hay nói theo
cách di n đ t của Lenin... C m tính chính là cái lí tính đ c th y tr c, và lí tính chính là cái
c m tính đ c hi u b i t (BKTH tr. 532). Quy lu t này ph i ch ng
cũng chính là chìa khóa giúp ta có c s suy nghĩ đ gi i mã ch ng nh ng m i liên thông c p
đ gi a các tr ng nghĩa trong cách khai tri n n d , mà h n th , nó còn làm ta nhân rõ thêm
b n ch t của hi n t ng suy lu n hình
t ng hóa cho các

khái niệm trừu tượng.

6. MỸ KẾT LUẬN CHUNG

1. Ngôn ngữ khái niệm được hình thành không tách rời khỏi hoạt động

khái niệm trừu tượng

. Nhìn chung, khái niệm trừu tượng trong ngôn ngữ khái niệm, vốn bản chất, không phải là một loại ngôn ngữ mô tả sẵn có. Thực chất, nó là một dạng hàm nghĩa chi tiết được xác lập bằng con đường suy luận hình tượng hóa, vốn là sản phẩm của quá trình tạo nghĩa theo hình ảnh

. (Chính vì được tạo nghĩa theo

phương thức ảnh hưởng

, nên trong quá trình xuất hiện, nó có thể được khảo sát theo nhiều góc độ khác nhau) .

2. Không nhận rõ các chi tiết trên, ta không thể hiểu được đặc tính

vấn đề và ảnh hưởng

giống với quá trình hình thành của nó trong cấu trúc ngôn ngữ khái niệm. Chỉ qua cách nhìn này ta mới có thể nhận ra rằng : Cách xác định của Lakoff “

Khái niệm cũng có thể chi tiết và cũng có thể trừu tượng : ngôn ngữ khái niệm có nhiều mức cung cấp các suy luận hình tượng hóa cho các khái niệm trừu tượng”,

thực chất là sản phẩm nhận

khái niệm trừu tượng trong tính năng tiến bộ cùng với vai trò dẫn xuất hình tượng và nhận thức quan trọng của nó trong quá trình hình thành ngôn ngữ

..

3/ Và tại đây, khi đã hiểu được

khái niệm trừu tượng

trong chức năng

ảnh hưởng

nhận là một dạng

hàm nghĩa chi tiết

của ngôn ngữ khái niệm

thì, để thực tế khảo sát (qua những cách thể hiện khác nhau có thể có về mặt hình thái cấu trúc của nó) , ta có thể ghi nhận thành 3 dạng : (1)

dạng khái niệm trừu tượng hàm nghĩa chi tiết không trực tiếp hiện ngôn

(2)

dạng khái niệm trừu tượng hàm nghĩa chi tiết trực tiếp hiện ngôn

(3)

dạng khái niệm trừu tượng hàm nghĩa chi tiết được phân biệt qua cấp độ trung gian cùng trực tiếp khái niệm

..

4/ Cùng, dù xét định

khái niệm trừu

định

nào trong cấu trúc ngôn ngữ khái niệm chúng ta đều phụ thuộc vào nó theo con đường cảm nhận văn chương. Vì bản chất ngôn ngữ khái niệm là một hình thái ngôn ngữ thu nhập ngôn ngữ theo nghĩa theo định hàm nghĩa chủ thể thông qua con đường truy cập cảm nhận suy luận hình tượng hóa. Và tại đây, cần luôn nhớ rằng – theo Black – “hàm nghĩa thực sự của ngôn ngữ luôn không tách rời với ý nghĩa chủ thể trong mối quan hệ với khả năng nhận thức của người tiếp nhận” ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ M. Lakoff & G.Johnson

Metaphors we live by

, University of Chicago Press, 1980

2/ M.Lakoff

The contemporary theory of metaphor

Cambridge University Press, 1993

3/ I.A.Richards.

The Philosophy of Rhetoric

, Oxford University Press, 1936

4/ G. Fauconnier

Mappings in Thought and language

, 1997

5/ G. Fauconnier

The way we think

(Basis Books) New York 2002

6/ M. Black

Metaphor and Thought

Cambridge University

Press. 1998

7/ Trần Thanh Huệ

Nghiên cứu ngôn ngữ Tây

T/c Ngôn ngữ số 01/2012 (tr.63 – 80)

8. Nguyễn Hoà

Hình thức nghiên cứu ngôn ngữ

T/c Ngôn ngữ số 1/07/.

9 Đào Thị Hà Ninh,

G.Lakoff và mô tả về ngôn ngữ hình thức nghiên cứu

T/c Ngôn ngữ số 5/05 (tr. 69 – 75)

10/ Nguyễn Lai

Cảm nhận và suy nghĩ về ngôn ngữ khái niệm trong thi ca

T/c Ngôn ngữ số 10/09 (tr. 1 – 10)